

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOẰNG - PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 8 ~ số 80 ~ Ngày 4-6-19 Phật lịch 2512 (Kỷ-Sửu)

MỤC LỤC

| | |
|---|---------------------|
| Phật-giáo đối với sự sinh-tồn của nhân loại | VĂN-ÂM |
| Đại ý Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm | THIỆN-SIÊU |
| Luận Đại-Thừa Khởi-Tin | TRÍ-QUANG |
| Bài Giảng Tam-Bảo | CHƠN AN LÊ-VĂN-DINH |
| Trăng Đạo-Lý | TỔNG-ANH-NGHI |
| Phật-Giáo có những khuyết điểm ấy không? | HÌNH-KHANH |
| Tiếng lòng của một ngôi nhà đạo | TỔNG-ANH-NGHI |
| PHƯƠNG DANH CÁC VỊ HẢO TÂM CÙNG QUÝ | |
| « PHẬT - HỌC TỪNG - THƯ » | |

| HỌ VÀ TÊN | ĐỊA CHỈ | SỐ BẠC | BÍ CHÚ |
|--|-----------|-----------|---------------------|
| Ông Lê-văn-Tiền | Chợ-lớn | 100\$00 | |
| Ngài Trú-Tri chùa Vu-Lan | Quảng-Nam | 100.00 | |
| Ông Lý xuân Hòa | Đã-Năng | 100.00 | |
| Ông Nguyễn-v-Hạnh | » | 100.00 | |
| Ông Nguyễn-hữu-Tài | » | 100.00 | |
| Bà Lê-văn-Tập tức Nguyễn-thị-Mẹo | » | 100.00 | |
| Bà Võ doãn-Gia tức Nguyễn-thị-Vân | Sài-gòn | 100.00 | |
| Bà Lê-quang-Ngoan tức Nguyễn-thị-Khánh | Đã-Năng | 100.00 | |
| Bà Hồ-Kiệm tức Trần-thị-Đạt | » | 100.00 | |
| Bà Nguyễn-công-Viên tức Lê-thị-Sang | » | 100.00 | |
| Bà Huỳnh-thị-Em, pháp-danh Như-Bửu | » | 200.00 | |
| Bà Nguyễn-thị-Đề | » | 100.00 | |
| Tỉnh-Hội Quảng-Nam | » | 500.00 | |
| Bà Phan-thị-Hai | Hội-An | 200.00 | |
| Chi Hội Cầu-Bảo | Tourcham | 608.00 | |
| Chi Hội Đồng Hà | | 600.00 | |
| Ban-viên Tổng-Trị-sự | | 5.000.00 | |
| | | 8.208\$00 | xuất bản Viên-Âm |



PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI SỰ SINH-TỒN CỦA NHÂN-LOẠI

Đứng trước cảnh-tượng tương tàn khốc liệt ngày nay, những người có đôi chút lương-tri không ai khỏi bồi-hồi lo-sợ cho sự sinh-tồn của nhân-loại. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn vô cùng bi đát mà những cảnh-tượng giết chóc, khí-giói tối-tàn, bom nguyên-tử đang đe dọa sự sống còn của muôn loại. Nhìn quá-khứ, xem hiện-tại, rồi nghĩ đến tương-lai chúng ta toàn thấy cả một biển sóng lệ rạt rào và bằng những âm-thanh nào nùng ghê-rợn, tất cả những sự thống khổ tiêu vong đang chực biểu-diễn trên sân khấu đời!

Trước tình trạng nguy ngập ấy, Phật-giáo có thể đem lại một vài giải pháp gì để hầu cứu thoát một phần nào cho nhân loại đáng thương chăng? Hàng Phật-Tử chúng ta có thể góp một phần nào trong công cuộc cải-tạo con người ngày mai chăng? Chúng tôi tin có thể được lắm, vì những lý lẽ sau đây:

1) Loài người sở dĩ có sự tàn hại lẫn nhau chưa biết đến đâu là bởi mé chính do lòng tham vọng ích-kỹ. Một khi tham vọng ích-kỹ đang tràn ngập trong lòng người, thì dù hành-vi của họ có ác-độ ghê-gớm đến đâu họ cũng không từ, miễn là hành-vi ấy có thể đem lại sự thỏa-mãn chút ít cho xác thân hay đem hạnh-phúc tạm bợ cho gia-đình họ là được.

Chỉ khi nào còn người nhận chân được giá-trị của sự sống và cảm thông mỗi giây liên-quan mật-thiết giữa người và người, giữa người và muôn vật, chỉ khi nào họ nhận thấy rằng cứu sống được một người đau-khổ tức là tâm hồn mình được sáng khoái, vui tươi; gieo một sự tai biến cho chúng-sanh thì lòng mình phải thắc-mắc khó chịu, chỉ khi nào còn người nhận chân được như thế, hạnh-phước của loài người may ra mới thực-hiện được một phần nào. Người Phật-tử thì theo lòng từ-bi rộng lớn của Chư Phật « xem tất cả chúng-sanh-như con một » : nên Phật-Tử không bao giờ làm hại mà trái lại Phật-tử có thể lăn mình vào trong tất cả nguy-hiểm để cứu độ chúng-sanh. Cứu « ta không vào địa-ngục thì ai vào địa ngục » luôn luôn nhắc-nhở nhiệm-vụ vị tha cứu đời của Phật-Tử. Bởi vậy, nên ban ân và cứu khổ (từ-bi) là mục-dịch duy nhất của Phật-giáo, và mục đích ấy nếu thực-hiện được chừng nào thì nhân-loại tiến dần đến chỗ an-vui chừng ấy.

2) Đặc điểm thứ hai của Phật-giáo là bình-dẳng : « tất cả chúng-sanh đều chung cùng một bản thể nhip-nhàng vô tận. Người đời không nhận thấy như thế, nên có những sự chấp-trước nhân, ngã, bỉ, thử, và sinh lòng hiềm-khích, tạt đổ nhau, đấy là mầm mống của chiến tranh. Đạo Phật bao giờ cũng thể theo chân lý bình đẳng để đưa mọi người đến chỗ hiểu biết chơn-chánh và cùng khắp. Như Phật đã dạy : « tất cả chúng sanh là những vị Phật sẽ thành ». Xem thế thì biết loài người cùng sanh-vật đều ngang hàng với chư Phật về tương lai. Vậy chúng ta nên nhận thức trong mỗi chúng ta đều có khả-năng tự độ mà linh tấn tu-hành để đạt được nguyện-vọng cao-quý của mình. Muốn thế thì phải nương theo chân-lý bình-dẳng của đạo Phật để cởi mở tất cả tham-vọng kiêu-căng và phóng đại

tâm-hồn mình thương yêu tất cả muôn vật. Thương yêu muôn vật chính là thương yêu mình. Vẫn biết đứng về chân lý bình-dẳng thì mọi loài mọi vật đều bằng bực như nhau : « Tâm, Phật, chúng sanh, vốn không sai khác » ; nhưng đứng nơi sự tướng phân biệt mà nói, thì vẫn còn có mè ngộ khác nhau, thế nên có người ngu kẻ trí người lành kẻ dữ. Mè, ngộ, lành, dữ tuy có khác nhau nhưng vẫn chung cùng một bản thể bình dẳng như nhau. Người không chính là ta khổ. Vì mọi loài đều đồng một thể-tánh nên Phật-tử bao giờ cũng tôn-trọng cá thể của mỗi loài, và luôn luôn chú-trọng nâng cao trình-độ hiểu biết và đạo-đức của chúng-sanh để lần lần cùng nhau bước lên cảnh-giới an lành của các đức Phật.

3) Hơn nữa, đứng về nhân-quả thì Phật-tử tin rằng: Gây nhân gì thì phải chịu quả ấy ; nhân với quả như bóng với hình, không bao giờ sai lệch. Vì nhân-quả chính là sự tương tục chuyển biến từ đơn-vị này đến một cá thể khác. Đứng trong vòng nhân-quả Phật dạy cho các đệ-tử rằng : « Muốn biết nhân đời trước thì xem sự hưởng thọ đời nay ; muốn rõ quả đời sau hãy ngó ngay hành-vi hiện-tại ». Vì đi sâu vào trong đạo-lý nhân-quả, nên Phật-tử không bao giờ làm cho người khác phải đau buồn thống-khổ, mà trái lại Phật-tử luôn luôn tùy theo khả-năng của mình để truyền-bá và gieo rắc tin-tưởng chánh-đáng cho mọi loài. Một mặt khác Phật tử lại chú trọng tu luyện tinh-thần, để đoạn-trừ từ ngành ngọn cho đến cội gốc của giấc phiền-não hiện đang trói buộc con người trong vòng luân chuyển, hầu mong đem mình và người đến chỗ giải thoát an-lành.

4) Nhiều người lại nghĩ rằng : giáo-lý tuy rộng rãi cao siêu như thế, nhưng làm thế nào mà thực hành trong khi tâm lượng của con người quá hẹp-hòi và tham vọng. Vàng, chính vì thế mà đạo Phật triệt-để dạy người lý dục và phá ngã chấp, để rèn luyện tâm hồn, un-dúc lòng từ-bi cho được trong sạch sáng suốt. Phật dạy : « Ngũ dục là cạm bẫy hãm

hại ta vào trong vòng thống khổ» ; người không biết thiêu-dục tri-túc, thì tùy ở trên thiên-đường cũng không vừa ý ». Ngàn ấy cũng đủ chứng tỏ đạo Phật là Đạo chú-trọng dạy người ly-dục tri-túc và từ-bi cứu khổ. Vì nếu quá ham thích dục lạc, thì con người sẽ trở thành một bộ máy, và phải quay theo sự điều-khiển của dục-vọng, không còn tự chủ được nữa. Cũng vì thế nên có khi người ta đã vui lòng dày xéo trên xương máu và nước mắt của đồng loại. Giáo-lý của Phật sẽ làm cho tâm chúng-sanh trở nên từ-hòa vui-vẻ ; đấy chính là phương-pháp diệt-dục tri-túc của Phật.

5) Như trên là dựa vào lý thuyết, ở đây chúng ta lại bằng chứng vào lịch sử truyền-bá của Phật-giáo. Nếu căn-cứ trên lịch-sử thì ai cũng phải công nhận rằng : từ khi đức Phật còn tại thế, trải qua 49 năm thuyết pháp độ sanh, chu-du khắp xứ Ấn-Độ, cho đến bây giờ, Phật-giáo mỗi ngày một bành-trướng lan rộng trên mặt địa-cầu ; nhưng trên những trang lịch-sử huy-hoàng truyền giáo ấy, chưa từng hoen-ố bởi một giọt máu của nạn tương-tranh, giữa tôn-giáo với tôn-giáo. Vì lập-trường của Phật-giáo là ở trên hai nguyên-tắc : « Từ-bi và bình-đẳng », nên từ mấy ngàn năm về trước cũng như vô lượng kiếp về sau, bao giờ Phật-giáo cũng giữ vững mục đích duy nhất « Cứu khổ cho đời » mà thôi.

Căn-cứ nào những yếu-diểm trên đây, là Phật tử, chúng ta tin-tưởng rằng : nhân-loại muốn thực hiện được chân hạnh-phúc, thì không gì hơn là loài người hãy quay về với Phật-giáo. Bởi vì Phật-giáo chú-trọng từ bi và cứu-khổ, trông nội-diễn của Phật-giáo rất đầy đủ những phương-pháp để giải-cứ nỗi thống-khổ cho đời.

Như thế thì hạnh-phúc hòa-bình của nhân-loại chỉ có thể xây-dựng trên nền-tảng luân-lý và đạo-đức của Phật-giáo mà thôi.

ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(tiếp theo)

THIỆN-SIÊU

Phật gạn hỏi chỗ chứng-ngộ để lựa chọn căn viên-thông thủ-thắng.

Viên dung thông nhập như-lai-tạng diệu-chân-như-tánh của các pháp nên gọi là viên-thông. Vì vậy nên viên-thông là bất cứ do một pháp nào trong các pháp căn, trần, thức mà thông đạt tạng-tánh thì cũng đều viên chứng chân như của tất cả pháp.

Trong các đoạn trước Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy sanh tử luân-hồi do nơi sáu căn mà được an vui diệu-thường cũng do nơi sáu căn, sáu căn là vọng song cũng không thể ngoài sáu căn mà tìm có cái chơn. Vì rằng trong khi chúng ta đang mê đem sáu căn này mà thấy, nghe, cảm xúc, đến khi chúng ta giác-ngộ cũng chỉ đem sáu căn này tiếp xúc với các trần-tướng. Vậy mà khi mê thì gọi các căn là ràng buộc (kiết) đến khi ngộ thì gọi là viên-thoát. Vì sao? Bởi vì khi mê, cái kiết nguyên mê-làm chưa mở trừ vậy.

Vì sao mà thành ra kiết và làm sao để mở kiết thì trước Phật đã dùng phương tiện cột khăn mở khăn để chỉ dạy rõ ràng. Đồng một tánh Như-lai-tạng mà vì nguyên do mê làm hiện ra sáu căn ràng buộc, nếu nói rằng vọng thì căn nào cũng vọng, mà nói rằng bỏ vọng về chơn thì căn nào cũng chơn, chơn đến nỗi một căn tức là tất cả các căn, các căn tức là một căn, không còn bị bó buộc trong phạm vi mắt chỉ thấy sắc, tai chỉ

nghe tiếng, mũi chỉ ngửi mùi v.v... mà trái lại, sáu căn dập dờn thọ dụng viên dung, bởi đã thiết chọn thì không còn bị thử đối đãi ngăn ngại. Vậy nên tu nhân căn không phải là liệt, tu nhĩ căn cũng không phải là thắng v.v... cho đến bất luận tu một căn nào, một trần nào, một thức nào hay một món đại nào, cũng như nhau cả, không gì hơn hay gì kém, miễn làm sao thấu rõ thật tánh của mỗi pháp mà được viên-ngộ viên-thoát. Ông A-Nan tuy đã thâm ngộ cái ý nghĩa viên-ngộ viên-tu ấy nhưng hiện tiền chưa rõ sáu căn, món nào thù-thắng có thể hợp với căn tánh của mình và chúng sanh cõi Ta-bà này hơn cả, nên cầu Phật chỉ bày. Phật liền gạn hỏi trong Đại-chúng, các vị Đại Bồ-Tát và lậu-tận A-La-Hán đã chứng quả vô-học để xem mỗi người, khi ban sơ phát-tâm đã tu theo phương tiện gì mà đặng ngộ đạo? Một đều mà chúng ta nên chú ý, Phật gạn hỏi chỗ ngộ đạo của các bậc thánh hiền tăng đây không phải để so sánh chỗ hơn kém mà cốt để nghiệm rõ lời Phật dạy trước thật không sai, để chỉ rõ lối tu viên-đốn của đại thừa khác lối tu tiệm-thứ của nhị-thừa và để cho Ngài A-Nan nhận đồ tự lựa cái căn viên-thông thích hợp mà tu hành. Nếu chúng ta cũng như Ngài A-Nan sau khi nghe hiểu cũng lựa lấy một pháp để suy-nghiệm tu hành thì chắc mau đặng ngộ nhập viên-thông tam muội.

Phật hỏi xong, kể đó 25 vị thánh lần lượt tỏ bày chỗ sở ngộ của mình :

Thanh-trần viên-thông.

Ông Kiều-Trần Như cùng 5 ông Ti-Kheo (5 ông này lúc trước theo tu khổ hạnh với Phật và được Phật hóa độ trước tiên khi Ngài mới thành đạo) nhận âm-thanh của Phật thuyết mà ngộ lý Tứ-Đế, chứng viên-thông ; nên đối với pháp thích-hợp làm cho ông chứng-ngộ thì thanh-trần

là hơn cả. Thứ nhất, nhờ âm thanh của Phật giảng về Tứ-đế mà ngộ được lý Tứ-đế (khổ, tập, diệt, đạo).

Thứ hai ông quán sát rõ thấu thật tướng của âm thanh mà ngộ đạo. Thật tướng của âm thanh là vô tướng, không đọa về nhọn-duyên, tự nhiên, hòa hiệp, phi hòa hiệp như trước Phật đã chỉ dạy ; nó thường vắng lặng cùng khắp mười phương, theo nghiệp cảm, theo tâm lượng của chúng-sanh mà phát hiện, nên tuy khi chúng ta không đem tâm phân biệt mà khi ấy tiếng cũng chẳng phải không. Suy rộng ra, thật tướng của Tứ-Đế cũng như vậy. Xưa nay chúng ta chỉ phân biệt theo giả ảnh của thanh trần sanh diệt nên bị thống khổ theo khi có tiếng hay khi không tiếng, chứ chưa hề lắng lòng định trí rời vọng trần để quán thật tánh của những tiếng động tịnh là từ đầu đến cuối cũng chưa hề liễu nhập tánh âm thanh vốn là tánh diệu chơn-như của Như-Lai tạng.

Sắc-trần viên-thông.

Ông Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà (tàu dịch là trần tánh, nhọn chổ ngộ mà đặt tên) nhân quán sắc tướng bất tịnh mà chứng quả. Hàng nhị-thừa thì quán bất tịnh để sanh tâm nhàm chán, diệt tham dục, cầu chứng Niết-bàn. Trái lại, hàng Bồ-tát quán bất tịnh để nhận rõ nhân-duyên thống-kho, chỗ đảo chấp « bất tịnh kể tịnh » của chúng sanh mà hóa độ, phá trừ tâm tham đắm sắc thân ngũ dục. Ông Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà tu theo phép quán đó, tịnh tâm nhiếp ý, quán sát thân phần của chúng sanh chỉ toàn là một vật như nhóp thối tha cả từ đầu đến chân, từ trong ra ngoài, và rõ ràng nhất khi thân ấy đã thành một tử thi : phình trương, bầm xanh, bại hoại, máu mủ chảy ra, gân thịt úa rữa, cầm thú rúc ăn, xương gân ly tán, chỉ còn năm xương khô lằn lữa tiều ra tro bụi, biến vào hư không, cái sắc thân đã tan về hư không đó thì cũng như hư không, đâu có phần

chia sai khác, chỉ vì đem tâm phân biệt, tương đối với sắc mà gọi là không, tương đối với không mà gọi là sắc, vậy nên sắc, không đều không tự tánh cả.

Hương-trần viên-thông.

Ông Hương-Nghiêm Đồng-tử (nhân chỗ ngộ mà đặt tên) nhân quán sát cái tướng hư vi là hương-trần mà chứng được viên-thông. Thường thường chúng ta chỉ tưởng mùi hương là một thứ sẵn có của gỗ trầm v.v..., hề có gỗ trầm là có hương, nhưng xét kỹ thì mùi hương ấy đâu phải do gỗ trầm, còn do không khí chuyển đi, do lửa đốt khói bay, và do tí căn tiếp xúc, tí thức giác xúc, ý thức phân biệt, nếu ngoài công năng của hai thứ năng-tri sở-tri trên ra thì không thành mùi hương được, vậy thiệt ra hương tánh ấy không phải là năng-tri, sở-tri, cũng không phải ly năng-tri, sở-tri nó chỉ tùy nghiệp của mỗi loài chúng sanh mà phát-hiện.

Vị trần viên-thông.

Vị trần là các vị cay đắng, ngọt, chua, vị hòa hợp như các món ăn do nhiều thức hợp lại, vị eu-sanh như ớt sắn cay, bồ-hồn sắn đắng; vị biến-dị là do thay đổi mà ra, như mật ong để lâu hóa chua, rượu để lâu thì lạt v.v....

Ngài Dược-Vương và Dược-Thượng Bồ-tát do phân biệt quán sát bản nhân của vị trần mà chứng đạo. Quán sát nguyên nhân của vị như thế nào? nếu nói vị do hư không, thì sao nếm hư không không biết ngọt, đắng, nói rằng có, thì vị vốn vô hình; nói rằng vị tức là thân tâm, thành ra nó có tánh hay biết, còn nói vị ly thân tâm thì cái gì phân biệt mà biết vị. Hai vị Bồ-tát quán sát như vậy ngộ nhập được cái tánh phi tức phi ly, phi không phi hữu của vị trần vậy nên vọng ý tiêu tan mà giác tánh được tỏ bày vậy.

KINH DIỄN NGHĨA. Ông Bạt-Đà Bà-La với 16 người bạn Bồ-tát sơ-phát-tâm, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: « Kiếp trước, lúc đức Phật Oai-

Âm-Vương ra đời, chúng tôi nhân dạng gặp Phật nghe pháp, và xuất gia. trong ngày chúng tăng tắm gội, tôi theo thứ tự vào nhà để tắm, thì thoát nhiên ngộ biết thủy trần vốn không hay rửa bụi trần, cũng không hay rửa thân thể, tánh thường vắng lặng, không có tướng gì..... tập quán ấy tôi nhớ mãi cho đến ngày nay, theo Phật xuất-gia được thành bậc vô học. Đức Oai-Âm-Vương kia gọi tôi tên là Bạt-Đà-Bà-La, nhân diện xúc tỏ bày sáng suốt, thành vị Phật-tử-trú. Nay Phật hồi viên-thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, quán xúc làm hơn là hơn cả ».

Ông Ma-Ha Ca-Điếp và Tỳ-kheo-ni Tử-Kim-Quang, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dâng lễ chân Phật mà bạch Phật rằng : « tôi nhớ kiếp trước, trong thế-giới này có đức Phật ra đời hiệu Nhứt-Nghiệt-Đăng, tôi được gần gũi thân-cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá-lợi, đốt đèn sáng luôn không hở, lại dùng vàng tử kim sáng chói mà thếp hình tượng của Phật. Từ đó đến nay đời đời thân tôi thường được đầy đặn sáng như đồng vàng tử-kim. Còn Tỳ-Kheo-Ni Tử-Kim-Quang này chính là quyến-thuộc của tôi, từng đã phát tâm cùng tôi một lúc. Tôi xem thấy thế-giới sáu trần đều biển hoại, nên chỉ đem tâm không-tịch tu hành, thành diệt-tận định. Thân-tâm tự tại hay vượt qua trăm ngàn kiếp, dường như gãy móng tay. Tôi do quán sát pháp không mà thành bậc A-La-Hán, đức Thế-Tôn cho tôi là người tu hành đầu đả bực nhứt. Diệu pháp mở sáng, các lậu tiêu trừ, nay Phật hồi viên-thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, quán pháp trần làm hơn là hơn cả.

Ông A-Na-Luật-Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy dâng lễ chân Phật mà bạch Phật rằng : « tôi khi mới xuất gia thường ra ngủ nghỉ, nên bị Như-lai quở trách là loại súc sanh. Nghe lời quở trách ấy, tôi khóc lóc tự trách suốt bấy ngày không ngủ, bị hư cả hai mắt. Đức Thế-Tôn dạy cho tôi phép Tam-muội nhạo-kiến chiếu-minh kim-cang. Tôi không

do con mắt mà vẫn xem thấy mười phương, tinh chơn rỗng suốt như xem hoa quả giữa bàn tay. Như-lai ấn-chứng cho tôi thành bậc A-La-Hán, Nay Phật hỏi viên-thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, xoay cái thấy trở về tánh nguyên, ấy là thứ nhất».

Ông Châu-Lợi Bàng-Đặt-Ca, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: « Tôi vì thiếu sự tụng-trì, không có tánh đa-văn, nên khi mới đầu gặp Phật, nghe pháp xuất gia, chỉ ức trì một câu kệ của Như-Lai mà trong trăm ngày không thuộc, hề nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước. Phật thương tôi ngu-muội, dạy phép an-cư, đều hòa hơi thở ra vào, tôi quán hơi thở ấy, vì tế cùng tột, thấy các hạnh sanh, trụ, dị, diệt từng mỗi sát na mà tâm được rỗng rang tự-tại không chút ngăn ngại, hết các món lậu thành A-La-Hán, ở dưới tòa của Phật, được ấn thành vị vô-học. Nay Phật hỏi viên-thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, xoay hơi thở trở về tánh không, ấy là thứ nhất»

Ông Kiều-Phạm Bát-Đề, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: « Tôi bị khâu nghiệp nặng nề trong kiếp quá khứ đã chệ bai vị Sa-môn, nên đời đời mắc bệnh: miệng thường nhai như trâu, đức Như-Lai dạy cho pháp-môn Nhứt-vị-thanh-tịnh-tâm-địa, tôi nhân đó mà tâm được tịch diệt vào tem-ma-địa quán sát cái tánh biết vị không phải thân, cũng không phải vật, liền trong niệm ấy vượt bỏ các lậu thế-gian, bề trong giải-thoát thân tâm, bề ngoài không dính mắc thế giới, xa lìa ba cõi như chim ra khỏi lồng, tiêu hết các món cấu trần, nên con mắt pháp thanh-tịnh, thành A-La-Hán, đức Như-Lai ấn chứng thành vô-học-đạo. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, xoay về quán sát tánh biết nắm vị, ấy là thứ nhất».

(còn nữa)

Luận ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

(tiếp theo)

TRÍ-QUANG dịch

III

PHẦN LẬP NGHĨA

Đề nói phần NHÂN DUYÊN, bây giờ nói phần LẬP NGHĨA. Ma-ha-diễn nói tổng quát thì có hai phần. Hai phần là gì? Một là pháp hai là nghĩa.

Pháp tức là chúng-sanh-tâm. Tâm ấy bao gồm tất cả các pháp thế-gian, xuất-thế-gian. Căn cứ Tâm ấy mà hiển thị nghĩa Ma-ha-diễn, tại sao vậy? Vì chân như của Tâm ấy là thể của Ma-ha-diễn, sinh-diệt nhân-duyên của Tâm ấy là thể tương dụng của Ma-ha-diễn vậy.

Nghĩa thì có ba thứ. Ba thứ ấy là gì? Một là thể-rộng-lớn: chân-như của tất pháp bình đẳng không thêm bớt, hai là tương-rộng-lớn: như-lai-tạng đầy đủ vô lượng tánh-công-đức, ba là dụng-rộng-lớn: hay sanh tất cả thiện-nhân-quả của thế-gian và xuất-thế-gian. Vì là pháp của tất cả các đức Phật đã thừa-ngự, vì tất cả các vị Bồ-tát đều nương dựa pháp ấy đến Như-lai-địa.

••

Đây là phần Lập-Nghĩa, nghĩa là nêu lên căn-bản-nghĩa của toàn thể bộ luận này. Căn-bản-nghĩa ấy là Đại-Thừa-Tâm-pháp vậy. Phải nhấn mạnh rõ ràng điểm ấy, nên nguyên văn nói « Pháp tức là chúng-sanh-tâm ».

Nguyễn văn nói Đại-thừa có pháp và nghĩa, pháp và nghĩa ở đây nghĩa là « tức là » và « tại sao » chứ không có hai phần chi sai biệt.

Đại - thừa tức là chúng-sanh-tâm. Nhưng, thế nào gọi là Tâm ? Chữ tâm có nhiều nghĩa, tâm tất lại thì có sáu thứ :

1) Nhục-đoàn-tâm : tức là tâm-tạng, tức là tìm bằng khối thịt.

2) Duyên-lực-tâm : tức là tâm nhận thức tư duy.

3) Tư-lượng-tâm : tức là tâm tư lượng thẩm sát.

4) Tập-khởi-tâm : tức là tâm luân tập các chủng-tử khởi ra các hiện hành.

5) Kiên-thật-tâm : tức là tâm tánh chân-như thường trụ.

6) Tích-tụ-tính-yếu-tâm : gồm chứa tất cả nghĩa tính yếu trong các kinh, như nói **BÁT NHÃ TÂM KINH** thì tâm kinh ấy nghĩa là tích tụ tính yếu của **ĐẠI-PHẠM-BÁT-NHÃ 600** cuốn vậy.

Trong sáu nghĩa này, nghĩa thứ sáu hoàn toàn không có nghĩa Tâm, chỉ đồng danh từ mà thôi. Còn nghĩa thứ nhất thì tuy ai cũng cho là Tâm mà kỹ thiệt chỉ là sắc-chất, là nhục-đoàn, nói nó là một bộ phận tâm nhưng vào đó phát hiện tác dụng thì được, chứ bảo là Tâm thì không phải vậy. Chỉ bốn nghĩa giữa thì mới thiệt là nghĩa Tâm.

Duyên-lực-tâm là ý thức và gồm cả năm thức trước, Tư-lượng-Tâm là một-na-thức, tích tập tâm là tàng-thức, còn kiên-thật-tâm là chân-như, là tự tánh-thanh-tịnh-tâm; Kiên-thật-tâm là thể tánh, tích-tập-tâm là thể tướng, còn duyên-lực-tâm và tư-lượng-tâm là thể dụng; tánh như tánh icot, tướng như nước, dụng như sóng ngòi. Cho nên bốn tâm giữa chỉ là bốn danh từ tiêu biểu thể, tướng, dụng của tâm mà thôi, và gọi rằng tâm là nó có một nghĩa đầy đủ như vậy mới đúng. Và trong luận này nói chúng-sanh tâm là Tâm ấy. Tâm ấy chúng sanh với chư Phật mỗi người có một tâm hay tất cả chỉ một tâm ? Ta có thể ví dụ thế này cho dễ hiểu : nước chỉ là một, là đồng, nhưng đồ đựng nước thì sông, bể, ngòi, lạch khác nhau, lại

trong đục không phải một màu. Thế mới biết tâm-thể vẫn đồng nhất, nhưng trong cái đồng không phải không riêng biệt; cũng tức nơi riêng biệt ấy chỉ đồng một tâm, tâm đồng một tánh vậy. Tuy đồng một tánh như tánh ướt, nhưng trong đục vẫn khác nhau: mà ngộ không phải không có sai biệt rõ ràng. Trọng thái mê ngộ ấy thế nào, sau đây trong nghĩa SINH DIỆT và GIÁC BÁT-GIÁC ngài Mã-Minh sẽ rất nghĩa rõ ràng. Bây giờ chúng ta hãy quay lại căn-bản-nghĩa: Đại-thừa tức là chung sanh-tâm, vì tâm ấy bao gồm tất cả các pháp tạp nhiễm (thế-gian), và tất cả các pháp thanh tịnh (xuất thế gian) nên thế, tướng, dụng của các pháp tức là của tâm, thế tướng, dụng của tâm là thế, tướng dụng của Đại-thừa vậy. Nói cho khắc thật, thì Đại-thừa chỉ là danh từ để gọi Tám pháp chứ không chỉ khác.

Tại sao vậy, tại sao tâm pháp (chung-sanh-tâm) gọi là đại rồi lại gọi là thừa? Nói vẫn tất thỉ vì Tâm pháp có thế-rộng-lớn, tướng-rộng-lớn và dụng-rộng-lớn nên gọi nó là đại; vì tâm pháp là đại như vậy nên chư Phật Thế-tôn đã tiếng thừa-ngữ Tâm-pháp ấy mà lên địa vị Đại-giác, mười phương các vị Bồ tát như thật tu hành Tâm-pháp ấy để đến Như-lai-địa, nên gọi nó là thừa vậy.

Thề của Tâm phổ biến thường trú, không hư huyền, không vọng đảo, nên gọi bằng danh từ « chân như »; tướng của Tâm là đầy đủ vô biên-tánh-đức vô-lậu, nên gọi bằng danh từ « Như-lai-tạng » còn dụng của Tâm thì có hai mặt: 1) Thuận dụng: là các hệ thống nhân-quả thiện tịnh.

2) Nghịch dụng: là các hệ thống nhân-quả nhiễm-ô.

Nguyên văn chỉ nói thiện-nhân-quả là vì ác-nhân-quả tuy cũng là dụng của Tâm nhưng nghịch với tâm mà có ra chứ không phải như Thuận-dụng xứng tánh phát khởi.

Rộng lớn thay, Tâm pháp! Vậy mà chúng ta nào ai đã tự hiểu, tự lìn? Thật là cùng khổ tha hương mà thần châu trong vạt áo vẫn không biết vậy.

IV

PHẦN GIẢI THÍCH

Đã nói phần LẬP NGHĨA, bây giờ nói phần GIẢI THÍCH. Phần GIẢI THÍCH có ba. Ba thứ là gì ? một là hiền thị chánh nghĩa, hai là đối trị tà-chấp, ba là phân biệt phát thủ đạo tướng.

Phần LẬP NGHĨA đã nêu lên căn-bản-nghĩa rồi, phần này chỉ giải-thích lại căn-bản-nghĩa ấy. Phần GIẢI THÍCH có 3 tiết :

1°) Thứ nhất, chính thức giải-thích căn-bản-nghĩa nên gọi là hiền thị chánh nghĩa.

2°) Thứ hai, bác phá các tà chấp sai lầm về Tâm-pháp nên gọi là đối trị tà-chấp.

3°) Thứ ba, là chỉ bày phương-pháp phát-minh Tâm-pháp nên gọi là phân biệt phát thủ đạo tướng.

1 — HIỀN THỊ CHÁNH NGHĨA

HIỀN THỊ CHÁNH NGHĨA là nương nơi Tâm-pháp mà có hai môn. Hai môn là gì ? Một là Chân-như-môn, hai là Sinh-diệt-môn. Hai môn ấy đều tổng nhiếp tất cả các pháp. Nghĩa ấy thế nào ? Là vì hai môn ấy không rời nhau.

Đây là đoạn văn đại-cương giải thích về Đại-Thừa-Tâm-pháp (Chung sanh-tâm)-Đại-thừa-tâm pháp có 2 môn là Chân-như và Sinh-diệt. Chân như-môn nói về thể rộng-lớn của Tâm, còn Sinh-diệt-môn nói về tướng-rộng-lớn và dụng-rộng-lớn của Tâm ; nhưng thể tướng dụng không phải sai biệt thù không lẫn gì có 2 môn bất đồng. Hai môn Chân-như Sinh-diệt chỉ là 2 phương-diện của Đại-Thừa Tâm-pháp mà thôi. Ta nghiệm thí dụ này : hư không và ánh sáng không phải là một vật, nhưng không ai phân tích được. Chân-như và Sinh-diệt của Tâm-pháp cũng vậy.

Các pháp tuy vô-hượng vô-biên nhưng không ngoài hai loại là tập nhiễm và thanh tịnh, mà nhiễm vô tịnh chỉ là nghịch dụng và thuận dụng của Tâm, nếu nói các pháp tức là nói Tâm, và cũng vì vậy mà

đều đứng về môn Chân-như của Tâm hay đứng về môn Sinh diệt của Tâm, môn nào cũng gồm tất cả các pháp, và môn này gồm đủ là môn khác đầy đủ, vì không phải 2 môn ấy là 2 phần riêng biệt đối lập với nhau.

Nhưng vì 2 môn không rời nhau, nên đứng về Chân-Như thì tuy thanh tịnh bất biến mà vẫn tùy duyên sinh diệt, song đứng về Sinh-diệt mà ngộ thì tuy tùy duyên sai biệt mà vẫn như như bất biến. Khế kinh có câu :

Thị pháp trụ pháp vị,

Thế-gian tướng thường trú.

Thế nhận được như vậy thì chính hiện-tiền các pháp sinh diệt mà đương thể tiền thị, còn không thể học luận này chỉ được giúp phần đa văn chánh giải mà thôi vậy.

CHÂN-NHƯ MÔN

TAM CHÂN CHU là thể của pháp-môn nhất pháp giới đại tổng tướng Tức là tâm tánh bất sinh bất diệt. Tất cả các pháp chỉ do vọng niệm mà có sai biệt, nếu rời vọng niệm đi thì không có tất cả tướng cảnh giới. Thế nên tất cả các pháp vô thì đến giờ thoát ly ngôn thuyết, thoát ly danh từ, thoát ly tâm duyên, cứu kính bình đẳng, không có biến dị không thể phá hoại, duy là nhất tâm nên gọi là Chân-như. Bởi tất cả ngôn thuyết đều giả danh không thật, chỉ tùy vọng niệm mà không thật có. Danh từ Chân-như cũng là không thật, vì đó là cùng cực của ngôn thuyết, dùng ngôn thuyết để trừ bỏ ngôn thuyết. Thế Chân-Như ấy không thể trừ bỏ vì tất cả pháp đều chân vậy, cũng không thể kiến lập vì tất cả pháp đều đồng như vậy. Phải biết tất cả pháp không thể nói không thể nghĩ, nên gọi là Chân Như.

Hỏi : Nếu như vậy thì các loài chúng-sanh làm sao tùy thuận mà thể nhập được ?

Đáp : Nếu biết tất cả các pháp tuy nói mà không có hay nói bị nói, tuy nghĩ mà không có hay nghĩ bị nghĩ, ấy là tùy thuận. Nếu rời bỏ vọng niệm thì gọi là thể nhập.

Tổ hợp, nên các pháp (chữ pháp rỗng rỗng : tất cả thứ gì mà có một ý nghĩa cụ thể đối với tâm đều gọi là pháp) là ngôn thuyết, là danh-từ, là tâm duyên, mà ngôn thuyết, danh từ, tâm duyên, chỉ là những tư biểu tượng của vọng niệm ; vọng niệm là bao nhiêu sự phân biệt tư vọng (không như thật), tức là vô minh. Mà Chân như là gì? Tự-cơ-ta-dạ-ông-ương là thể tánh của các pháp vậy. Vậy mới biết các pháp có ra vào có thuận sai vận biệt là vì vọng niệm, nhưng vọng niệm nương nhờ tư vọng nên toàn thể là Chân-như. Chân nghĩa là các pháp không thể trừ khiến, như nghĩa là các pháp không thể kiến lập, nên Chân-như chỉ là danh từ cùng cực để trừ khiến danh từ mà thôi. Thế Chân-như ấy về thời gian thì không cấu, không tịnh, về không gian thì không sai không biệt, nên nguyên văn nói không sinh không diệt.

Chân-như như vậy, nên Chân-Như là gì? và làm sao thể nhập được Chân-như? Chúng ta cứ hỏi như vậy và suy tìm như vậy thì tuyệt không bao giờ thể chứng Chân-như-cả. Như một người chỉ mong kiếm màu : hết màu vàng thay màu xanh, hết xanh đến đen thì người ấy chỉ sống trong sự sai biệt màu sắc đừng hòng rõ được Chân-tướng an-sáng và sự vật. Chính ánh sáng cùng sự vật vẫn nằm dưới mắt, chỉ có cách là phải bỏ cho hết bao nhiêu kính màu đi.

Cũng vậy, đối với Chân như điều cần-thiết là phải nhận cho rõ sự thật của sai biệt tiện tiền rồi trước bỏ dần dần cho kỳ hết hư vọng phân biệt thì đương xứ tức là Chân-như vậy. Cổ thi có câu : « Sơn cùng thủy tận nghĩ vô lộ, liễu ám hoa minh hựu nhất thôn ».

Lại nữa, Chân-như theo ngôn-thuyết mà phân biệt thì có hai nghĩa. Hai nghĩa là gì ? Một là như thật không, vì cứu kính hiển thật ; hai là như thật bất không, vì từ thể đây-đủ tánh đức vô lậu.

NHU THẬT KHÔNG là vì vô thì đến giờ tất cả nhiệm pháp không tương ưng. Nghĩa là rời tất cả tướng sai biệt của các pháp, bởi vì không có hư vọng tâm niệm. Thế nên phải biết tự-tánh. Chân như không phải có tướng, không phải không tướng, không phải chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, không phải cũng có cũng không tướng, không phải một tướng, không phải khác tướng, không phải chẳng phải một tướng, không phải chẳng phải khác tướng, không phải cũng một cũng khác tướng. Cho đến nói chung lại thì y cứ tất cả chúng-sanh vì có vọng-tâm niệm niệm phân biệt, nhưng đều không tương ưng nên gọi là không. Nếu rời vọng niệm, thì thiệt cũng không có cái không vậy.

Còn **NHU THẬT BAT KHÔNG** là, đã rõ pháp thể không, không có vọng niệm thì tức là chân tâm thường hằng bất biến, tịnh pháp đầy-đủ, thế gọi là bất không. Đầy cũng không có tướng có thể nắm giữ, vì đó là cảnh giới ly niệm, duy chứng mới tương ưng vậy.

Chân như như thật không (không một cách như thật) vì không tương ưng với tất cả hư vọng phân biệt; vì cứu kính hiển thật Chân như như thật hữu tợ một cách như thật); vì không có tất cả hư-vọng phân biệt, nên vô biên tính đức hiển lộ ra. Nên chân như mà không thì không đến rốt-ráo, còn bất không thì có thực đầy-đủ, nên mới gọi là như thật. Luận Phật tánh nói: «Bởi nhiệm-pháp là không, nên không tương ưng với pháp tánh; bởi tánh-đức bất không, nên tương tợ với Pháp tánh».

Nhưng, Chân Như có 2 nghĩa, ta lại phải chú ý chữ nghĩa ở đây. Nghĩa là ta phải hiểu Chân-Như bằng hai mặt, chứ không phải Chân như có 2 thứ.

(Còn nữa)

Bài giảng



TAM-BẢO



CHƠN-AN LÊ-VĂN-ĐÌNH

Trong quốc-độ Việt-Nam ta hầu hết đều nghe danh tự Tam-Bảo, ý định tôn-sùng Tam-Bảo, nhưng chưa mấy ai dễ làm tham học cho rõ nghĩa lý cái danh tự ấy, tình cờ gặp người gạn hỏi Tam-Bảo là gì thì liền thất thố không giải-thích ngay được, hoặc trả lời một cách nông-cạn : Phật là mấy pho tượng trên tòa sen ; Pháp là phù, nước, ấn, chú ; Tăng là bất cứ ông nào có cái thân tướng đầu tròn áo vuông.

Ôi ! đạo Phật truyền vào xứ ta đã mười thế-kỷ mà tín-đồ ta còn ở trong vòng mờ ám như vậy. Có đáng thương chăng ? Có cô-phụ bà-tâm cứu độ của đức Bồn-Sư chăng ? Có hy-vọng chấn-hưng Phật-giáo nước nhà được chăng ? những-điều đó xin nhường chư vị Thiện-Trí-Thức phán-đoán. Đây tôi chỉ xin lãnh phần lược giải ý nghĩa chữ Tam-Bảo để cống hiến độc giả một phần tài-liệu nghiên-cứu thôi.

Nghĩa chữ Bảo hay bửu là báu, quý-giá, trân-trọng. Tục tình thường hay quý giá không hạt châu lành cũng hòn ngọc rạn gọi là của báu ; những hiền-triết xưa đã nói : « Bửu châu ngọc giả ương tất đãi phù thân », người nào báu châu ngọc lắm thì tai họa sẽ đến cho mình. Sở-thư, lại có câu : « Sở quốc vô dĩ vi bửu duy thiện dĩ vi bửu », nước Sở không lấy gì làm báu chỉ xem việc thiện là báu.

Xem đó thì trong pháp thể-gian mà cái quan-niệm bâu đạo-đức đã như thế, hưởng cái bâu mà chúng ta đang cùng nhau tìm hiểu đây là cái bâu xuất-thể-gian. Cái bâu trên nền đạo-đức siêu-việt ba cõi mười phương không còn gì so-sánh nữa ; chính là ba ngôi Phật, Pháp, Tăng : Tam-Bảo.

Giải-nghĩa danh từ Tam-Bảo có bốn lối :

1°) Nhứt thể (hoặc đồng thể hoặc đồng tướng) Tam-bảo là mỗi một ngôi trong ba ngôi đều đủ nghĩa Tam-Bảo. Ví-dụ Tăng có quán-trí ấy là Phật-bảo, có uy nghi khuôn phép ấy là Pháp-bảo ; có hạnh hòa-hiệp ấy là Tăng-Bảo.

2°) Lý thể Tam-Bảo. — là trên thể Chân-như lập ra Tam-bảo như : Lý thể, Pháp tánh, Pháp tướng.

3°) Biệt thể (hoặc Hóa-Tướng, hoặc Chơn thật) Tam-bảo như : Đại-thừa lấy Pháp, Bảo, Ứng hóa ba thân Phật làm Phật bảo ; Sáu pháp Ba-la-mật (lục độ) làm Pháp-bảo ; Mười quả vị Bồ-tát làm Tăng-bảo. Tiểu-thừa lấy Hóa thân Phật tức là đức Thích-Ca Mau-Ni làm Phật-bảo ; Pháp-Tứ-đế, Thập-nhị nhơn-duyên làm Pháp-bảo. Bốn quả vị, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-Hàm, A-na-Hàm, A-la-Hán làm Tăng-bảo.

4°) Trú-trí Tam-bảo. — Sau đời Phật đã diệt độ thì các tượng hình, tượng vẽ của Phật còn trụ giữa thế-gian là Phật-bảo. Ba tạng kinh, luật, luận là Pháp-bảo. Đoàn thể xuất-gia hình tướng tâm hạnh đồng Phật là Tăng-bảo.

Trên đây là một đoạn toát-yếu đại-cương cần phải giải riêng từng chữ Phật, Pháp, Tăng mới có thể tưởng tượng được những ý-nghĩa vi diệu của Tam-Bảo.

Những đề-mục này nằm trên quý Thầy Pháp-Sư ĐÓN HẬU, MẬT KHẾ, MẬT NGUYỄN đã diễn-giảng kỹ, dẫn nhiều kinh điển thật là những tài-liệu có giá-trị, các bạn nên tìm Viên-Âm năm thứ hai mà đọc lại, để thêm phần lợi ích. Trong một bài ngắn này tôi chỉ có thể giải-thích theo lối giản dị, yếu-uớc ngõ hầu các bạn sơ-cơ dễ lãnh hội để làm một bước đầu tham học Phật-Pháp.

PHẬT. —

Phật đọc trọn tiếng Phạm là Phật-Đà (Buddha), Trung-hoa dịch là Giác-Giã nghĩa là biết rõ-ráo huyền cơ vũ-trụ, biết tận nguồn gốc muôn sự vật không còn mây may gì nghi ngờ nữa. Theo lời di-giáo của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni thì trước Ngài đã có nhiều đức Phật ra đời và hiện trong Pháp-giới khắp mười phương đều có các đấng Như-Lai giáo-hóa.

Bảo-vị và Diệu-dụng của các đức Như-Lai mà ngày nay chúng-sanh được nghe danh tự để quán-trởng, đều căn-cứ vào công-phu tu chứng và giáo-pháp của đức Thế-tôn. Ngài hiện làm giáo chủ giữa thế giới Ta-bà này nên khi đon xưng một tiếng Phật tức là xưng Hồng-danh Ngài.

Ngài thị hiện Liệt-Ứng-thân giữa đời Ngũ-trước chỉ vì một việc lớn lao là cứu độ sanh linh, quyết hạ vương vị xuất-gia, khổ hạnh sáu năm, tham thuyền bảy thất, trong đêm cuối cùng, sao mai vừa mọc, Ngài hoá-nhiên đại ngộ, nghĩa là Trí-Tuệ phát sanh rất viên-mãn, nhận thấy bản-thể của Tự-tâm, phẳng lặng (tịch) mà rạng soi (chiếu). Rạng soi mà vẫn thường phẳng-lặng, không sanh, không

diệt, bao trùm cả pháp-giới, muôn sự muôn vật do tâm ấy tạo ra, đều là hư-huyễn như cảnh-tượng chiêm-bao, bóng trăng đáy nước, không thật có.

Chúng-sanh với Phật cũng đồng một Tâm ấy. Tâm thể vẫn thanh-lĩnh, nhưng diệu-dung tùy-duyên. Chỉ như một niệm ngu mê (bất giác) dấy lên làm cho thể thanh lĩnh ấy bị huân mà biến tướng. Ví-dụ hình bóng của cảnh vật qua lại trước bức gương trong, gương vẫn không vị bóng mà thay hình đổi thể, nhưng khi bị bóng che cũng phải lu-mờ chổ kút. Đến lúc hết bóng rồi thì tự nhiên thể sáng tỏa của gương lộ lại như nguyên. Tâm cũng thế, một khi đã bị Vô-minh (niệm ngu mê) huân biến thì chơn-vọng hòa hiệp mà chuyển thành nghiệp-thức (A-lại-gia-thức) xoay vần trong đường sanh tử.

Đức Thế-tôn đã tự giác-ngộ hoàn-toàn rồi đem bi-trí nhìn lại chúng-sanh còn đang đắm đuối trong vòng lục-đạo, động lòng thương xót. Dùng đủ pháp môn phương-tiện khai thị cho chúng-sanh thấy rõ chỗ mê lầm mà dứt bỏ đề-lột hết mấy lớp màn hắc ám (mê-sự-vô-minh, mê-lý-vô-minh) cho hiển lộ Phật-tánh, của muôn loại hữu-tình đều sẵn có mà không tự thấy.

Ngài vừa tự-giác, vừa giác tha, giác hạnh rất đầy-đủ trùm khắp, nên mới gọi là Giác, là Vô-thượng-chánh-biến-giác. Đại-nguyện của đức Thế-Tôn Thích-Ca Mâu-Ni mà cũng là Đại-nguyện của Tam-thế Như-Lai, đều muốn cho tất cả chúng-sanh chóng thành Phật-quả bình-dẳng như-như, nên tôn xưng là Phật-bảo.

PHÁP. —

Pháp, theo tiếng Phạm là Đạt-Ma (Dharma) là một danh từ để gọi chung cho tất cả sự vật, dầu lớn, dầu nhỏ, dầu có hình không hình, chơn thật hay giả-dối, vật chất hay tinh-thần của một vật đều gọi là Pháp.

Nghĩa chữ Pháp rộng-rãi như thế nên bất cứ một sự gì, một vật gì trong vũ-trụ cũng đều gọi là một pháp được cả. Riêng về chữ Pháp mà chúng ta đang lý hội đây là Pháp-bảo, là Phật-Pháp.

Đức Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni sau khi thành đạo liền tiếp nói Pháp Tứ-Đế, Thập nhị nhơn-duyên, Bát-thánh, Lục-độ để độ các bậc thánh hiền đó là Pháp-bảo.

Trong 49 năm thuyết giáo, hơn ba trăm hội đàm kinh, Ngài tùy theo căn cơ cao thấp của chúng sanh mà khai-thị, khi quyền thì thiệt lúc đốn lúc tiệm dầu bán tự, dầu mãn tự, dầu biệt dầu viên cũng không ngoài cái mục đích chỉ đường cho chúng-sanh trở về nơi tự tâm thanh-tịnh, đó là Pháp-bảo.

Theo lý nghĩa trong những hồi Ngài thuyết giáo Cổ-đức chia làm 5 thời :

1) *THỜI HOA-NGHIÊM.* — Đem bảo-vị của Chư Phật mà truyền cho chúng-sanh, chỉ rõ nghĩa « Pháp giới tánh trùng trùng duyên khởi » để độ các bậc thánh hiền.

2) *THỜI A-HÂM.* — Chỉ nghiệp nhơn phiền-não để chúng-sanh dứt trừ, cho mau chứng quả vô-sanh (Nhị-thừa).

3) *THỜI PHƯƠNG-ĐẰNG.* — Chỉ lối tu tập diệt-trừ Pháp chấp để chứng lý Chơn-như thường-trú.

4) *THỜI BÁT-NHÃ.* — Chỉ rõ Chơn-Không bất không và đem về chỗ vô-tri vô đắc để phá cái chấp Pháp không Chơn-như.

5) *THỜI PHÁP-HOÀ.* — Chỉ cảnh giới bất khả tư nghĩ để quy nạp về Nhất thừa thiệt tướng và chỉ rõ tánh tướng của Pháp-giới.

Đức Thế-Tôn đã đem hết những pháp Ngài đã tu, đã chứng mà như thiệt chỉ bày cho chúng-sanh. Tám vạn pháp-môn đều chung một tôn-chỉ đem chúng-sanh ra khỏi mê độ để đưa đến cõi Niết-Bàn tịch-lạc. Duy thức thuật kỹ gọi là Pháp Đạo-lý, Pháp Niết-Bàn.

Pháp có Pháp tánh, Pháp tướng. Pháp tánh tức là chơn như bình-dẳng, chơn tâm thường-trú, đã giải ở đoạn trên. Pháp-tướng tức là cái tướng do nhân-duyên hợp thành. Như cơm phải có gạo, nước, lửa, nồi và nhơn công hợp lại mới thành cái tướng cơm. Tướng giả hiệp của các Pháp đều gọi là duyên sanh như huyền. Tướng còn chia ra Tự, Cộng, Nhơn, Quả, Tổng, Biệt, Đồng, Dị, Thành, Hoại, nhưng trong một bài mà thích nghĩa nhiều danh-từ quá sợ e phiền loạn xin tỉnh văn đề giải nghĩa chữ Tăng.

TĂNG . -

Theo tiếng Phạm gọi là Tăng-già hay là Tăng-già-già (Sangha) Trung-hoa dịch là Hòa-hiệp chúng (Hòa hải hợp tụ đích quần chúng) nghĩa là một quần-chúng hòa-hiệp nhóm ở với nhau. Quần-chúng ấy ít nhất là bốn người trở lên mới gọi là Tăng-già.

Nghĩa chữ Tăng-già. — Theo luật Phật thì một chúng Tăng-già phải có từ bốn người trở lên phòng khi một người có lỗi thì có 3 người khác hội ý mà xử đoán.

Tăng-già của đạo Phật phải cư-xử với nhau đúng 6 nghĩa hòa-hiệp :

1) **THÂN HÒA ĐỒNG TRÚ** : thân nghiệp hòa đồng cùng nhau, chung nhau cùng ở một chỗ.

2) **KHẨU HÒA VÔ TRÁN** H : Phải dùng lời lẽ ôn-tôn hòa thuận mà nói với nhau, không khi nào gây tụng nhau.

3) **Ý HÒA ĐỒNG DUYỆT** : Phải có ý kính trọng yêu-mến nhau, làm cho nhau được vui chung.

4) **KIẾN HÒA ĐỒNG GIẢI** : Có ý kiến gì hay phải trao đổi giải thích cho nhau đều biết để dắt-đi nhau tu-tập theo đạo-lý chân-chánh.

5) **GIỚI HÒA ĐỒNG TU**: Phải khuyên-răn nhau giữ đúng giới luật của Phật, ai rui phạm-giới thì trong chúng phải chỉ-trích và xử-đoán cho công bình không nên vì thương ghét mà thiên vị.

6) **LỢI HÒA ĐỒNG QUÁN**: Một sự gì, một vật gì có ích-lợi về tinh-thần hay vật-chất đều phải san sẻ cho nhau. Chả Đản-Na Cúng-dường dù nhiều, dù ít cũng phải chia đều chúng, không được dặt riêng, trừ ai không thể lãnh thọ thì không nói.

Đoàn-thể Tăng-già đạo Phật gọi là Tăng-già Tỳ-Kheo. Các Ngai đã thọ giới rất đầy-đủ, 250 giới (Cụ-túc giới).

Chính nghĩa Tỳ-Kheo là khát-sĩ (đi xin). Trên xin Pháp của Phật để tăng tiến tinh-thần, dưới xin vật ăn ở thể-tục để nuôi thân. Ở quốc-độ chưa hoàn-toàn Phật-hóa thì lối tu Đầu-đà nói trên khó thực hành, nên Tăng-già phải ở chùa thọ lãnh sự cúng-dường của Tín-thí.

Tăng-già phải tham học Phật-pháp, quán-sát đạo-lý cho rõt-ráo để tu-trì chứng-quả đó là phần tự lợi. Để giáo-hóa chúng-sanh ít nữa, giáo-hóa tín-dồ, diệt trừ mê tín trở về đường chánh-đề nổi liếp giống Phật. Thế mà nhìn lại tăng-đồ ở xứ ta chưa được thanh-lịnh thật đáng lo âu. Chính một vị Pháp-sư đã nói: « Hiện nay trong xứ ta, nghĩa chữ « Tăng không dặng rõ ràng, nên lối tổ-chức các chùa thường « có khuyết-diêm: có chùa chỉ có một hai ông Thầy, có chùa « có nhiều Thầy mà không giữ giới, hoặc giữ giới mà không « ra mến nhau, không chỉ dạy cho nhau, không hòa-thuận « cùng nhau, không chia cần những sự lợi-ích cho nhau, vì « đó mà sự tu-học trong Tăng-giới có phần « suy kém ».

Mấy lời Pháp-sư nói đó là đúng với sự thật, chẳng những cận-dại nước ta ít nghe có vị nào tu-hành chứng ngộ mà phần giới-hạnh tinh-nghiêm khoáng-đạt đạo-lý cũng hiếm.

Kinh Lăng-nghiêm Phật nói : « Ta dạy các bậc Tỷ-Kheo phải bỏ lòng tham, ... xem mình như người lữ-khách sống gởi trong tam-giới, hình như đi qua một lần là không trở lại nữa ; làm sao những kẻ giữa kia mượn y phục nhà Phật buôn bán Như-Lai gây ra nghiệp dữ mà dám cho là Phật-Pháp, lại dám chê các bậc Trì-giới là Tiền-thừa, đến đời làm cho vô-lượng chúng sanh mê lầm nghi-hoặc và về sau phải đọa vào Địa-ngục vô giảng ».

Lời nghiêm nghĩa chánh như tiếng Hải-trào-âm theo ngu kiến thì người nào đã trượt lỗi lầm mà còn luyến tiếc bỏ đạo phục nhà tăng thì nên viết to mấy lời di-huấn của Đức Thế-tôn Từ-Phụ để làm Tọa-Minh bằng ngày tụng đọc mà tỉnh cho tin-dõ được soi gương sáng.

KẾT LUẬN. —

Thề, Tướng và Dụng, của ba ngôi Tam-bảo rất là vi-diệu cao-siêu, quang-minh chánh đại, không phải như một số người đã lầm tưởng. Chúng ta đã phát tâm đem thân mạng mà quy-y Tam-bảo phải nên nhận xét cho tỉnh tường chớ nhầm mất theo liều mà ưỡng phi công phu một kiếp.

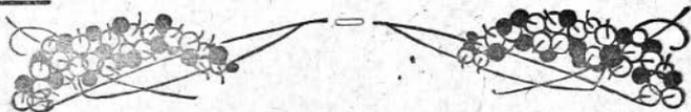
Nhứt là đối với Trú-Trì Tăng-Bảo. Giữa đời một-pháp này cái tệ mất cá lộn với hạt châu nhiều lắm, đến đời bậc Tăng-Già xuất-thế mà cũng còn có kẻ to gan làm giả hiệu.

Đức Thế-Tôn dạy Pháp « Tứ-Y » :

- 1) Y theo chánh-pháp không y nơi người.
- 2) Y theo Kinh có nghĩa lý rất rảo không y theo kinh nghĩa lý chưa rảo-ráp.
- 3) Y theo nghĩa không y theo lời nói.
- 4) Y ở trí (quyết đoán) không y nơi Thức (vọng tưởng).
Chính là Phật đã phòng ngừa cho chúng-sanh khỏi bị tin lầm nghe lạc.

Hàng Phật-Tử chúng ta nên tin-thọ phụng-hành, mới biết xứng-tánh tôn sùng Tam-Bảo.

NAM-MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG-TRÚ TAM-BẢO
Cư-sĩ CHƠN-AN



TRĂNG ĐẠO-LÝ

Tặng người Đạo-hữu đã
« trở về trong Ánh-sáng »

Đêm không trăng, người khát nước đêm trăng,
Thức mặc đêm, người ca ngợi ánh Hằng !



Ấy nhan-sắc toàn xinh, không biết tuổi,
Quên bến bờ, gương là gương Tam-Muội,
Bình thường nào đã ngại gió e mây,
Nước non kia bằng với núi sông này,
Cây cỏ đó, bông hoa đây, cũng thế,
Sóng bể sáng, trong ngoài nào hạn chể,
Thiền-cung tròn, không mặc-cả gần xa !
Đồng thời khi phẫn-khởi bước quan hà,
Trăng an-ủi phòng khuê song hoen lệ,
Qua ngục tối, trăng tỏa màu phước-huệ,
Gác công hầu, trăng xóa ánh phủ hư,
Cấp thuyền-môn, trăng rạng đuốc Chơn-Như,
Biển thanh-tịnh hay ao tù nhọn-dục,
Không phân biệt, trăng đến cùng một lúc !
Ấy mẹ hiền, trăng rót sữa Từ-Bi,
Ấn-đức bao — ôi khốn nỗi nghĩ nghĩ !
Trăng nuôi dưỡng vô-vạn con khát sáng,
Lũ con dai dẳng trần-lao, thâm-trạng,
Gây lỗi lầm, giam tối dưới oai ma,
Trăng lưu-ly, vang lan khắp âm-ba,
Trăng giải-thoát, giục lên đường quang-đăng !



Giòng trăng chảy, ánh vàng trôi viên-mãn,
Ôi ai ơi, thôi tiếng khóc hải-nhi,
Ôi ai ơi xin hứng sữa trăng đi !

TỔNG-ANH-NGHỊ
(Trích tập Thơ Phát)

Phê-bình

PHẬT GIÁO

CÓ NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM ẤY KHÔNG ?

HÙNG - KHANH

Trong số Viên-Âm trước, bạn Cao-Hữu-Đỉnh có trích dịch trong quyển « Những vị sáng-lập các tôn-giáo » của ông C.F. POTTER, một đoạn nói về Đức Phật Thích-Ca, vị sáng-lập Phật-giáo.

Trong đoạn ấy, sau khi ca tụng nhiệt liệt đức Phật Thích-Ca và giáo-lý cùng những ảnh-hưởng tốt đẹp của Đạo Phật, nghĩa là sau khi nói rất nhiều về những ưu-điểm, tác giả nói đến những khuyết-điểm của Giáo-lý nhà Phật như sau:

« ... Trái lại, giáo-lý của nhà Phật cũng có nhiều tư-tưởng mà người phương tây không công nhận được. Thí dụ như đạo Phật hủy bỏ tri sáng-kiến của con người, nguồn gốc của tiên-bộ. Nó chủ-trương vô-vi và bi-quan đối với cuộc đời hiện-tại : nhân sinh ít có giá-trị và thân-thể bị ruồng bỏ. Phật Thích-Ca không chuộng đời sống và gia-đình và xem nữ-giới như một giới thấp kém hẳn. Phật Thích-Ca không khuyến-kích nền tiên-bộ của xã-hội và lịch-sử chứng-minh rõ-ràng điều đó ?

Đề giữ đúng thái-độ khách quan rất cần trong việc phiên-dịch, dịch-giã đã trích đăng nguyên-văn của tác-giã mà không thêm bớt hay bình-phạm gì cả. Thái-độ ấy, nếu rất có lợi cho những hàng Phật-Tử đã hiểu biết Phật-Pháp, vì họ sẽ nhờ đó dễ nhận xét sự hiểu biết về đạo Phật của người Âu-Châu, thì trái lại cũng có thể làm cho những kẻ mới vào cửa Đạo hiểu lầm Phật-giáo, vì họ cứ tưởng rằng trích đăng những khuyết-điểm trên như thế cũng có nghĩa là công nhận

luôn những khuyết-diểm ấy. Vậy, như chúng tôi đã hứa với bạn đọc trong số Viên-Âm trước, hôm nay chúng tôi đem những điều mà ông POTTER gọi là khuyết-diểm ấy ra phê-bình để thử xem học-giã Tây-phương ấy nói có đúng không.

Chúng tôi xin lần-lược trích từng câu một trong đoạn ấy để phê-bình cho rõ-ràng :

... « Phật-giáo hủy bỏ trí sáng-kiến của con người, nguồn gốc của tiến-bộ ».

Phật-giáo có hủy bỏ sáng-kiến thật không? Chúng tôi không tin như thế. Làm sao một kẻ sáng-lập ra một tôn-giáo lại hủy bỏ trí sáng-kiến? Có phải chẳng chính nhờ nhiều sáng-kiến mới lập được một tôn-giáo mới chứ. Thành-lập một tôn-giáo là làm một cuộc cách-mạng để cải đổi những tập-tục xưa cũ của vật-chất và tinh-thần. Một cuộc cách mạng càng mạnh, thì trí sáng kiến cần phải có nhiều. Khi đem Phật-giáo lại cho loài Người, đức Phật Thích-Ca đã thành công một cuộc cách mạng rất gay-go chống với hoàn-cảnh riêng của xứ Ấn-Độ lúc bấy giờ, và với những trói buộc chung của con Người muôn thuở và muôn nơi. Không có sáng-kiến thì làm sao đánh đổ được các Tôn-giáo học-thuyết khác nhiều như năm thời bấy giờ ở Ấn-độ? Không sáng-kiến thì làm sao san phẳng được các tầng lớp giai-cấp của xã-hội Ấn-Độ lúc bấy giờ, và đem lại Bình-đẳng cho nhân-loại và chúng-sanh? Không sáng-kiến thì làm sao xây dựng được ba tạng kinh điển đồ-sộ như trái núi và đem lại cho mỗi hạng người một phương pháp tu-hành thích-hợp để họ tự giải-thoát? Một Đấng nhiều sáng-kiến như thế mà lại bắt buộc những kẻ theo mình hủy bỏ sáng-kiến thì chẳng mâu-thuẫn lắm sao?

Nếu chúng ta nhận hiểu một cách rộng-rãi chữ sáng-kiến cả trong nghĩa tốt và xấu của nó nghĩa là cả những ý-tưởng

mới nâng cao trình-độ hạnh-phúc của nhân-loại, lẫn những ý tưởng mới đem thêm đau khổ như những phát minh tinh xảo trong sự giết người, trong sự giúp cho thú tính được thoải-mãn dễ-dàng, nếu chúng ta hiểu chữ sáng-kiến như thế, thì chúng ta có thể công nhận với tác giả POTTER một phần nào mà nói thêm rằng: « Phật-giáo hủy bỏ những sáng-kiến nào không đem lại sự giải-thoát cho chúng-sanh. Vì mục-đích của đạo Phật là giải-thoát. Điều gì không đưa đến mục-đích ấy đều không đáng kể hay đáng hủy bỏ ».

Nhưng nếu nói như thế thì đây không phải là một khuyết-điểm mà là một ưu-điểm đi rồi!

Chúng ta hãy phê-bình tiếp câu thứ hai:

« ... Nó (đạo Phật) chủ-trương vô-vi và bi-quan đối với cuộc đời hiện-tại: nhân sinh ít có giá trị và thân-thể bị ruồng bỏ. —

Người ta thường gọi đạo Phật là đạo vô vi. Nhưng vô-vi là thế nào? Có những danh-từ ai cũng dùng được cả. Nhưng mỗi người hiểu một cách, và cũng vì thế tuy cùng một chữ mà người ta cãi vã nhau mãi không thôi. Vậy trước khi muốn bàn đến một vấn-đề gì điều cần-thiết trước tiên là định nghĩa.

Nghe đến hai chữ vô-vi, có người dịch ra từng chữ một (vô là không, vi là làm) mà hiểu rằng vô-vi là không làm gì hết, là buông xuôi tay, là hủy diệt tất cả. Nghĩa ấy là nghĩa thông thường người đời thường hiểu. Nó không phải là nghĩa triết-lý như các triết-gia Á-đông muốn nói. Nó không phải là chữ vô-vi trong đạo Lão, Trang, lại càng không phải là chữ vô-vi của Phật-giáo.

Theo Lão-Tử và Trang-Tử, chữ « Vô » vốn không có nghĩa tuyệt đối, cho nên nghĩa chữ vô-vi của Lão-Trang không phải là không hành-động mảy-may. Theo Lão-Tử, Vũ-trụ tuần-hoàn theo một cái Đạo linh-diệu, vạn năng,

sáng-suốt, tự nhiên lưu chuyển, không ai làm cả (Vô-Vi) hề cái gì thuận theo nó thì còn, nghịch với nó thì mất. Người ta sợ dĩ mất thăng bằng, chịu khổ não chính vì đã đi ngược lại với Đạo, chính vì đã « có làm » (Hữu-Vi) trái với Đạo. Lão-Tử nói : Người có làm tất thất bại, người muốn giữ, — bất kể cái gì — tất bị mất, cho nên thánh nhân không làm việc gì, nên không thất bại ; không giữ cái gì nên không mất (vì giả, bất chi, chấp giữ thất chi, thị dĩ thánh nhân vô vi, cố vô bại, vô chấp, cố vô thất. — Đạo đức kinh).

Vì vậy Thánh nhân muốn không có sự ham muốn, không chuộng những vật hiếm có, học cách không học, kéo lại những sự mà người đời đã trót vượt qua, để giúp vào cái tự nhiên của vạn-vật, ngoài ra không dám làm gì hết.

(Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi vật ; học bất học, phục chúng nhân chi sở qua, dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi — Đạo đức kinh).

Nói một cách khác thì Thánh nhân là kẻ đi ngược lại những hành-vi mờ quáng của người đời để đi xuôi về với dòng Đạo, Thánh nhân « không làm » gì, mà chỉ trôi theo dòng Đạo. Nhưng tuy là không làm, mà thật ra làm nhiều lắm : đánh đổ tất cả những gì người đời đã vì mê-mờ mà thiết-lập ra và đã ngăn dòng Đạo không cho nó lưu-thông.

Chữ « Vô-vi » của Đạo Phật cũng không có nghĩa là không làm gì cả. Nó gần giống như nghĩa Vô-vi của Lão-Trang, nhưng còn rõ-ráo hơn. Nghĩa chính của nó là : vô công dụng (nhậm vận nhi chuyển) nghĩa là có làm tất cả mọi việc, nhưng không nhiệm-ò, không bị công việc sai khiến, không vọng động, không nắm bắt, không gìn-giữ, an-nhiên tự-tại, không bị trói buộc vào đâu hết. Vì thế cho nên tuy có làm mà riêng đối với mình thấy như không làm gì hết. Cái tánh-cách vô-vi khó như thế, cho nên chỉ có hạng Bồ-Tát hay Phật mới đạt được mà

thời. Người Âu-Châu thường hiểu chữ vô-vi một cách nông-cạn, thường tình quá, nên cho vô-vi là một khuyết-điểm, đâu biết rằng muốn vô-vi, cần phải hoạt động lắm và nhất là cần phải có một sức lực mạnh mẽ vô cùng.

Giải-thích xong chữ Vô-vi, bây giờ chúng ta hãy bàn đến chữ bi-quan mà ông POTTER đã dùng để phê-bình Phật-giáo.

Trong câu : « Nó chủ-trương -vô-vi, và bi-quan đối với cuộc đời hiện-tại ».

Thật ra, không có ai tả cảnh giới này một cách rung-rợn, buồn thảm bằng Phật-giáo. Đó là một biển-khổ làm bằng nước mắt của chúng-sinh. Đó là một cõi trong ấy mọi loại đang lăn-lóc với sống, đau, già, chết ! Nhưng nếu đạo Phật chỉ tả cho chúng ta thấy những cảnh tượng ấy, rồi để mặc cho chúng ta đau, khổ, tuyệt-vọng lấy, thì khi ấy chúng ta có quyền trách đạo Phật thật bi-quan lắm đấy. Nhưng không, đức Phật không làm thế. Sau khi tả cảnh khổ của thế-giới này, Ngài liền chỉ cho ta những phương-pháp diệt khổ ngay. Ngài nhấn mạnh vào năng-lực của con người để tự cải tạo. Ngài đặt vào chúng ta một lòng tin-tưởng mãnh-liệt rằng thế-giới này có thể hoán-cải được nếu ta muốn: ta là người, nhưng ta cũng là Phật. Địa ngục ở đây, nhưng Thiên-Đường cũng chính ở đây. Biển khổ vô biên thật đấy, nhưng quay đầu lại thì bờ bến cũng hiện ra đấy rồi.

Không có một tôn-giáo nào có thể cho con người một lòng tin mãnh-liệt hơn thế nữa. Một tôn-giáo như thế, không phải là bi-quan. Bi-quan chính nghĩa của nó là không tin-tưởng được gì hết, không bám víu được vào đâu hết để tự cứu-vãn mình. Kể bi-quan chính là người gập, gập, hững thụ những khoái-lạc mong-manh của cảnh giới giả ảnh này, sợ rằng nếu không lợi dụng được thời cơ tạm giả của một kiếp sống, thì rồi tro bụi, mình sẽ trở về tro bụi mà thôi. Khi còn tin rằng mọi sự vật còn có thể cứu vãn được thì không phải là bi-quan. Bi-quan chính là không tin tưởng, là tuyệt-vọng.

(Còn nữa)


 Chuyện **TÔNG-HỘI-QUÁN**

hay là

TIẾNG LÒNG CỦA MỘT NGÔI NHÀ ĐẠO


 TÔNG-ANH-NHỊ

Hỏi ai đó là Đạo-hữu trong các giai-tầng, những Hội-hữu khắp nơi khắp chốn, nếu có dịp từ một chân trời nào người trở về đây, có ghé thăm tôi bên giòng Hương trong lặng, thì xin người trong cuộc trùng-phùng cũng chớ nhìn tôi bằng đôi mắt bờ ngờ.

Trước lòng mở rộng chân-thành để mừng rước người vào, xin người vui đón bước chân e-dè trước cổng. Vào đây, đốt nến, thắp hương và khai chuông động mõ, người lễ Phật đi, vì đã vào đây, người đừng quên bấy nhiêu cử chỉ cúng dường của con người sùng đạo. Dưới Phật-đài nhờ đức-tướng Như-Lai của Bồn-Sư Niết-Bàn mà người chiêm bái, chắc tâm-niệm người đã trở về với bình tĩnh sau quãng đường xa...

Rồi từ cái mái ngói uốn cong theo kiến-trúc đến đây hiện dài nghênh gió, đến thăm cỏ, bồn hoa cắt xén trình bày vì thắm-mỹ, tìm mắt người đã ngao-du thăm viếng đủ, và người đang kiếm tìm một bóng dáng mến yêu xưa ? Nhưng mà có vội vàng chi, này người Đạo-hữu được đợi chờ, yêu cầu người hãy giải-lao bằng ít chén trà xứ sở đã, rồi với lòng thanh ý tịnh, xin nhận đây trang tâm sự đang chờ đợi gởi trao người.

Mặc dầu tôi không biết khóc như ai thành những bản hạn-chiến-trường thống-thiết sau một thời khói lửa, thiên hạ hồi cư nơi chốn đô-thành đã đau xót thở dài vì gặp gỡ tôi với một thân hình rách rưới.

Tôi có chi đâu, tôi còn chi nữa. Nhưng sự thật tôi có mất gì không nếu thời cuộc chỉ làm cho tôi đổi thay một chiếc áo cần dùng để che sương gió? Như người ta biết đó, tôi chỉ là một ngôi nhà cỏ kính nằm giữa thị-tứ phần ba. Những vết thương qua hình tướng hiện-tiền do chiến tranh khốc liệt đem lại, rải rác trên mái ngói, lên nền gạch vách vôi mà tay thợ lành nghề dầu đã vá khéo đến đâu, người du-khách dầu vô tình cho mấy, vừa đặt bước vào, cũng phải buồn trách nắng mưa sao chưa làm giúp tôi mờ dấu sẹo? Nói thế không phải để lo ngại hôm nay cái ngọn lá nọ vàng hay hý-hửng vui trước ngày mai của một chồi non kia chưa nảy lộc, mà chỉ để phô bày ít nhiều chứng-kiến cảm động của riêng tôi trong bao ngày gói-gắm.....

Nếu đã có những giai phẩm văn-vơ trong thiên hạ đã nâng cao người nghệ-sĩ với một ánh nguyệt huyền-ảo trong cảnh điêu-tàn, với một tà mây mơ-hồ trong chiều hôm hoang phế, nếu có thể có những cảm khái u-sầu vô hạn quẩn-quýt giữa gai cỏ lằng-loàn với đá chông rêu phủ của một cung điện, một lầu đài hay cùng lắm một tòa cỏ-am vắng chủ thì tôi đây trong trận ốm vừa qua cũng đã tập làm gì, cho các đầu-đề vơ-vẩn ấy!

Khỏi sự chữa bệnh ngoài cho tôi là từng nhóm Đạo-hữu gần xa đất Thần-kinh tự đến thăm tôi vào một ngày nắng ráo. Và cũng tự của mình bầu nước, gói cơm, họ đến với tất cả dầu xanh, dầu bạc! Luàn phiên không biết mấy ngày mấy tháng, chỉ biết đã có một lần những rừng cỏ hoang-tàng, những núi cây vô dụng, những rác rưởi ụp che đầy loài sâu bọ hiểm nguy đã được san bằng lấp sạch dưới

những hờn thù, lát cuốc vừng vàng của bấy nhiêu lòng thành kết-nối để thành một tràng hạt Kim-Curong. Những rui kèo gãy đứt, những tường vách đổ xiêu, những gì hư-hao, mất-mác đều đã được thay thế, gắn hàn hoặc qua những giòng mồ hôi công-đức chảy xối trên làn da nám nắng bụi, hoặc tiếp bằng những cử chỉ cứng đờng chẳng tính-toán, so đo theo lẽ lối thông thường ti tiện. Ở đây người ta không biết mở gói đôi ba lần hay dỡ hầu-bao năm bảy bận để giải-quyết một đạo-niệm mỗi khi đã chớm nở trong lòng. Trăm nghìn thế cả, nên xa vắng nơi đây những Phật-sư đầy-đưa bởi đột sóng uy-quyền, thế lực. Văn của hồi nào những buổi công-phu vang dậy, vang dậy lên những lời nguyện chuyên bền cho những ngành, những nhánh rải rác, tung chia trong cùng phương khắp hướng, phát từ một gốc cây vững mạnh được thường xuyên dưới mắt chứng minh của các bậc Thầy đại-đạo. Những cấp thềm này từng quen biết với những bàn chân đức-dộ vắng lai, hăng in rõ dấu hải-đạo-hạnh, và đây nữa giấy bút kia, thư-từ nọ vẫn không ngừng dưới vành gương giáo-lý chiếu soi. Phòng giảng ấy đã ấm-êm biết bao bởi pháp-âm tròn đượ mà đoàn tín-đồ thuần-kính tuy chưa hề biết đón-hèn quý-lụy, van xin ai, đã phải cúi đầu trước pháp-thân của vị Pháp-sư gương mẫu. Lại các phòng họp này, không lúc nào căn cứ vào thời-tiết mà chúng phải bỏ bơ-vơ như buổi chợ chiều tàn trong các kỳ nhóm họp. Đều là Phật-tử, đây đoàn Thiếu-nữ đào tơ xinh như mộng đang dụ dàng bàn qua một chương trình Phật-pháp; đây đội thiếu niên vững chắc không khác những thân bách thân từng ứ nhựa, chực phóng thẳng mình lên, đang hăng hái sưu-tầm một vấn đề tu học. Đây đàn đồng-niên ngày-thơ như bầy chim ngày thơ non dại đang lú lo tập học một khúc phách thuyên. Và, đây là những người có nhiều trách nhiệm lớn. Hoặc là lồng vào cái phong độ của một người ở quê hương Trang-Tử, hoặc mượn thêm màu sắc một kẻ

xứ-sở của Voltaire, hoặc đề hình dung đức-trưởng Phật-dà sau lớp nâu sồng, khói mực, những người ấy đang cột nhau vào thành khối với những giầy Từ-Bi và Trí-Huệ.

Trước một phong thư đóng dấu từ một góc trời khác, lòng họ đang đều-đặn sẵn-sàng để đau những đóm-đau, hay để vui những vui thỏa của người đồng đạo phương xa, của tác-giả những giòng chữ Đạo. Tôi đã từng rung mình vì những trận bão-giông người giầy lát mỗi khi nổi lên trong những giờ thảo-luận, nhưng bão giông kia là một thứ giông-bão hiền lành, hữu ích để dắt họ về với lẽ phải, để tiến-hóa hoài trên nấc thang Giác-ngộ mà thôi.

Từ cái tuổi đề nặng lưng trên gậy trúc đến cái tuổi mà vừng trán rạng ánh Xuân tươi, chung nhau trong một tinh-thần bình-đẳng lục-hòa, đoàn người ấy đã từng biết sống trong những bầu không khí thường ngát diệu-hương của một Phật hội, của một Bồ-tát-chúng muôn đời.

..

Người đã nghe rồi tâm-sự của tôi, oi người Đạo-hữu trong các giai-tầng, ở khắp nơi khắp chốn, người Hội-hữu chẳng khác lạ chút nào xin người đừng làm khác lạ nữa! Hẳn bây giờ mỗi người cũng như lòng người đã tràn nở hân-hoan những hoa Cúc, hoa Trà, hoa Sen không do-dự, như thềm ngoài bậu kia, trong ánh nắng huy-hoàng những đóa hồng, đóa huệ đua nhau phô trải tươi cười hoan-hỷ, để trang-điểm cho tôi với phần màu tinh-khiết.

Tôi chỉ là một cái biển treo làm dấu, chỉ là một cái giàng tạm bợ che đỡ nắng mưa, để chực làm nở những bông hoa tin-trưởng. Và, hạt đã gieo rồi, xin người hãy ra công vun xới, người đàn anh nghĩ việc đã đến lượt kẻ đàn em tiếp sức, hạt giống quý đã rải gieo vô số, đang chờ đợi bàn tay và tấm-lòng hộ-pháp của người để hứa hẹn một vườn hoa đạo-lý tương-lai tốt đẹp trong khắp cả nước non....

TIN TỨC HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

A. - TÔNG-TRỊ-SỰ CÓ NHẬN ĐƯỢC :

1º/ Cửa Bà MARTY, pháp-danh Tịnh-Nga - 23 L. Auger ở Đà lạt 2.000\$00 cúng quỹ Phật-Học Tùng-Thư. Xin cảm ơn đạo-tâm quý-hóa của Bà.

2º/ Cửa Hội Việt-Nam Phật-Giáo Bắc-kỳ ở Hà-nội 5 quyền : « Vì sao tôi tin Phật-Giáo ».

3º/ Cửa Tỉnh Hội Phật-Học Lâm-Viên (Đà-lạt) 10 quyền « Phật-giáo Sơ-học ».

3º/ Cửa nhà xuất bản Tri-Hương (Đà-lạt) Tập văn Hào-Quang Đức Phật (La lumière du Bouddha) giá 10\$ 1 quyền.

Xin cảm ơn và giới-thiệu cùng toàn-thể Phật-Tử.

B. - TỌA-SOẠN VIÊN-ẨM.

4º/ Có nhận được quyền « KHÁI LUẬN VỀ ÂM-NHẠC » của ông NGŨ-GANH trong TỰ-DO VĂN-ĐOÀN do Tinh-Hoa xuất-bản giá 9\$00.

Xin cảm ơn và giới-thiệu cùng độc-giả Viên-ẨM.

C. - TIN-TỨC CỦA BAN QUẢN-LÝ VIÊN-ẨM

Cùng các Đạo-hữu cổ-động giúp Báo Viên-ẨM. - Thành thật cảm-tạ lòng sốt sắn quý Đạo-hữu. Yêu cầu gửi gấp về Ban Quản-lý các số Báo còn dư lại.

Chân thành cảm-tạ quý Khuôn Tịnh-độ An-hòa đã giúp về việc phát-hành báo Viên-ẨM 50\$, và Đạo-hữu Khuôn-trưởng khuôn An-hòa 30\$. Về việc in kinh Dược-Sư, Khuôn An-hòa đồng-cúng 30\$. Tổng cộng 110\$.

Cùng các Độc-giả thân mến miền Bắc và Nam Phần Việt-Nam. - Yêu cầu quý độc-giả miền Nam tiếp xúc cùng ông Phạm-văn-Vi 130, đường Lefebvre Saigon, để điều đình việc mua báo. Và các độc-giả miền Bắc, yêu cầu tiếp xúc cùng ông Viên-Quang 73, Phố Quán-sứ Hà-nội hoặc ông Trưởng-ban Nghi-lễ chùa Bà-Đá đường Cathédrale, Hà-nội hoặc cùng ông Vĩnh-Dự 78, đường Gia-Long Hà-nội.

TIN TỨC PHẬT-GIÁO THẾ-GIỚI

PHÁP. — Hội « AMIS DU BOUDDHISME » ở Pháp vẫn tiếp-tục hoạt-dộng để truyền-bá đạo Phật ở Pháp và liên-lạc với các Hội Phật-Học Thế giới. Hội đã có nhiều Chi-nhánh ở các tỉnh lớn bên Pháp. Tờ báo « LA PENSÉE BOUDDHIQUE » vẫn xuất-bản 3 tháng ra một lần giá đòng-niên là 100fr ở tại Pháp và 125fr ở ngoại-quốc. Mua báo gửi cho « AMIS DU BOUDDHISME » 31 đường La Seine Paris (Vième).

ĐỨC. — Hội « BUDDHISTISCHE GEMEINDE DEUTSCHLAND » đóng cửa năm 1941 nay đã mở lại, do ông W. PERSIAN làm Hội-trưởng, mục-dích tư-tưởng và đời sống Phật-giáo ở Đức. Nguyễn-vọng chính của Hội này là lập được một Tông-Lâm (Tu-viện Tăng-Già) ở Đức dưới sự điều- khiển của các vị Tỷ-Kheo. Sau 4 tháng hoạt-dộng đã có được 250 hội-viên và đã xuất-bản một số kinh-sách về đạo Phật và phát hành tờ báo « ASIASTISCHE RUNDschau-DER PFAD » muốn giao-thiệp với Hội B.G.D., xin gửi theo địa-chỉ « Upasaka W. Persian 22 A. Dusseldorf Brunnenstrasse 56, British Tone, Germany. »

PHẦN-LAN. — Tại Helsinki, Kinh-dô Phần-Lan, một số Phật-Tử dưới sự hướng-dẫn của ông MAUNO NORDBERG đã bắt đầu nghiên-cứu Phật-Pháp. Mặc dầu ở trong một tình-thế rất khó-khăn, nhóm Phật-Tử ấy đã dịch và soạn một số kinh-sách khá quan-trọng.

THƯỢNG-HẢI. — Hội « DHARME LOHA SOCIETY » dưới sự chủ-tọa của ông MICHEL W. ANTHONY vẫn tiếp tục hoạt-dộng Phật-sự.

THƯ-TÍN

Xin chân-thành cảm-tạ, các bạn
đã gửi bài đến đăng vào Viên-Âm.
Rất nhiều bài có giá-trị. Chúng tôi
sẽ theo thứ tự lựa đăng dần.

Kính mong các bạn hoan-hỷ.

GIA BẢO

| | |
|---------|--------|
| Mỗi Số | 5\$00 |
| 3 Tháng | 15\$00 |
| 6 Tháng | 28\$00 |
| 1 Năm | 35\$00 |



GIAO-THIỆP

- 1) Thư từ bài vở xin gửi:
TÒA-SOẠN VIÊN-ÂM
Số 1 đường Nguyễn-Hoàng - Huế
- 2) Ngân-phiếu và thẻ-lệ mua
báo xin gửi:
Ô. TÔ-S-THẮT-HÀNG
Số 1 đường Nguyễn-Hoàng - Huế



Nhà in TÀN-HOA, Huế

